Ký bởi: Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa
Email: ubnd@khanhhoa.gov.vn
Ngày ký: 21.06.2022 09:43:06 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 12 /2022/QĐ-UBND	*Khánh Hòa, ngày 20 tháng 6 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016; Quy định một số nội dung về phát triển và quản lý nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm phát luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Căn cứ Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16 tháng 8 năm2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 1543/TTr – SXD ngày 16 tháng 5 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung của Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa ban hành kèm theo Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh

1. Bổ sung khoản 3 vào sau khoản 2 Điều 15 như sau:

"3. Trường hợp người đang thực tế sử dụng nhà ở do Nhà nước quản lý nhưng không có giấy tờ quy định tại quy định tại điểm b, c, d khoản 2 Điều 57 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP, khoản 1 và 2 Điều 15 Quy định này thì được ký hợp đồng thuê nhà ở nếu có một trong các giấy tờ chứng minh đã sử dụng nhà ở cấp trước ngày 19 tháng 01 năm 2007 theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 57 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 30/2021/NĐ-CP)".

2. Sửa đổi khoản 1 và câu đầu tiên của khoản 2 Điều 16 như sau:

"1. Hồ sơ thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước thực hiện theo khoản 1 Điều 60 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP; khoản 1 Điều 22 và Điều 23 Thông tư số 19/2016/TT-BXD (được sửa đổi tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP) gồm bản chính giấy tờ chứng minh việc sử dụng nhà ở theo điểm b khoản 1 Điều 60 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP), các giấy tờ khác chỉ cần bản sao (không phải chứng thực).

2. Người đề nghị thuê nhà nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan quản lý vận hành nhà ở cũ".

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

"**Điều 25. Giải quyết bán phần diện tích nhà sử dụng chung và**

chuyển quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất liền kề với nhà ở thuộc sở hữu nhà nước hoặc chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước

1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục giải quyết trường hợp bán diện tích nhà đất sử dụng chung hoặc chuyển quyền sử dụng đất liền kề với nhà ở thuộc sở hữu nhà nước hoặc chuyển quyền sử dụng đất đối với nhà ở xây dựng trên đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 71a Nghị định số 99/2015/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP).

Người đề nghị mua nhà hoặc nhận chuyển quyền sử dung đất tại khoản này nộp trực tiếp nộp hoặc gửi qua đường bưu điện 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 71a Nghị định số 99/2015/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 21 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP) đến đơn vị đang quản lý vận hành nhà ở theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Quy định này.

2. Giải quyết bán phần diện tích sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 28 Thông tư số 19/2016/TT-BXD.

3. Trường hợp không có nhà ở, vật kiến trúc thuộc sở hữu nhà nước trên phần diện tích đất liền kề hoặc phần diện tích đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước thì tiền nhà được tính bằng 0 (không); trường hợp nhà ở đã phá dỡ, xây dựng lại thì giá trị còn lại của nhà ở này được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 65 của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP và nội dung được bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP.

Tiền sử dụng đất đối với phần diện tích đất liền kề hoặc phần diện tích đất trống trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước được thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều 71 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP. Riêng phần diện tích đất liền kề trong khuôn viên nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước mà có khả năng sinh lợi cao theo nội dung được bổ sung tại khoản 18 Điều 1 Nghị định số 30/2021/NĐ-CP thì áp dụng hệ số k điều chỉnh giá đất so với bảng giá được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, ban hành kèm theo Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND để tính tiền sử dụng đất khi thực hiện chuyển quyền sử dụng đất.".

4. Bãi bỏ điểm c và d khoản 3 Điều 18 của Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, ban hành kèm theo Quyết định số 46/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số nội dung của Quy định một số nội dung về phát triển và quản lý nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, ban hành kèm theo Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và 2 Điều 6 như sau:

"1. Chủ đầu tư nộp hồ sơ đề nghị hoàn trả lại hoặc khấu trừ vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án phải nộp cho Nhà nước, kể cả chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có) đối với trường hợp chủ đầu tư đã nộp tiền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất hoặc đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác mà diện tích đất đó được sử dụng để xây dựng nhà ở xã hội hoặc chủ đầu tư dự án đã nộp tiền sử dụng đất đối với quỹ đất 20%, gửi Sở Tài chính.

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với UBND cấp huyện và Sở Tài nguyên và Môi tường (nếu có kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định việc hoàn trả hoặc khấu trừ nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án phải nộp cho Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 8 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì kiểm tra và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi dự án xây dựng nhà ở xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm b khoản 8 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP".

2. Sửa đổi Điều 7 như sau:

a) Sửa đổi đoạn mở đầu (từ dòng 1 đến dòng 4) của khoản 2 Điều 7 như sau:

"2. Việc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước phải tuân thủ quy định tại Điều 63 Luật Nhà ở; phải bảo đảm các quy định tại khoản 1, 3, 4, 5, 6, 7 và 10 Điều 19 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP và khoản 12 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP".

b) Sửa đổi câu đầu tiên của khoản 3 Điều 7 (từ dòng 1 đến dòng 3) như sau:

"3. Thứ tự ưu tiên, hồ sơ, trình tự thủ tục bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội; giá bán, cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội được đầu tư bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 10 và 11 Quy định này.".

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

"2. Đối với nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước thì thực hiện mua, thuê, thuê mua theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP. Riêng điểm đ, g khoản 1 và điểm d khoản 2 Điều 20 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP được thực hiện như sau:

a) Chủ đầu tư dự án, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng có trách nhiệm gửi danh sách các đối tượng dự kiến được giải quyết bán, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo thứ tự ưu tiên (theo nguyên tắc quy định tại Điều 23 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 17 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP) về Sở Xây dựng để kiểm tra theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 20 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 13 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP).

Danh sách các đối tượng dự kiến được giải quyết bán, thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo khoản này phải được lập theo từng huyện, thị xã, thành phố nơi đối tượng đăng ký nhà ở xã hội thường trú và đang tạm trú (nếu có). Trường hợp dự kiến giải quyết cho đối tượng thu nhập thấp quy định tại khoản 4 Điều 49 Luật Nhà ở thì ngoài danh sách lập theo nơi cư trú nêu trên, chủ đầu tư dự án, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng phải lập danh sách riêng cho đối tượng này. Danh sách phải được gửi đến Sở Xây dựng bằng thư điện tử (gồm cả bản chụp, cùng với tập tin mềm) và bằng văn bản.

b) Sở Xây dựng có văn bản gửi kèm danh sách tại điểm a khoản này đến Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi đối tượng thường trú và đang tạm trú (nếu có); Cục Thuế tỉnh để kiểm tra nhằm xác định đúng đối tượng được hỗ trợ và loại trừ việc người được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội được hỗ trợ nhiều lần hoặc đã có nhà ở, đất ở; đã được Nhà nước hỗ trợ về nhà ở, đất ở; có phát sinh nộp thuế thu nhập cá nhân tại địa phương.

c) Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách do Sở Xây dựng chuyển đến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử E-Office hoặc qua đường bưu điện, Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ hồ sơ lưu trữ thuộc thẩm quyền của mình quản lý để kiểm tra, xác minh có văn bản gửi Sở Xây dựng, trong đó phải làm rõ những nội dung sau:

Nếu người đăng ký nhà ở xã hội đã được Nhà nước hỗ trợ về nhà ở, đất ở, đã được mua, thuê, thuê mua nhà ở thu nhập thấp, nhà ở xã hội tại dự án khác (trên địa bàn quản lý) thì nêu rõ trong văn bản là người này không đủ điều kiện được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội để Sở Xây dựng có cơ sở yêu cầu chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp xã xóa tên khỏi danh sách giải quyết.

Nếu người đăng ký nhà ở xã hội không có nhà ở thuộc sở hữu của mình trên địa bàn quản lý, chưa được Nhà nước hỗ trợ về nhà ở, đất ở, chưa được mua, thuê, thuê mua nhà ở thu nhập thấp, nhà ở xã hội tại dự án khác trên địa bàn quản lý thì văn bản kiểm tra, xác minh phải trả lời rõ để chủ đầu tư, hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tiến hành các thủ tục tiếp theo về mua bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội đối với người đăng ký, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho người đăng ký nhà ở xã hội thực hiện thủ tục vay vốn tín dụng ưu đãi.

Nếu người đăng ký nhà ở xã hội có nhà ở thuộc sở hữu của mình hoặc quyền sử dụng đất ở đã được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn quản lý, văn bản kiểm tra, xác minh phải cung cấp thông tin về địa chỉ nhà; số, ngày, tháng, năm cấp giấy chứng nhận như đã nêu trên để Sở Xây dựng có cơ sở cung cấp thông tin cho chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra người đăng ký nhà ở xã hội đáp ứng hoặc không đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 51 Luật Nhà ở năm 2014.

d) Trong thời hạn 09 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách do Sở Xây dựng chuyển đến qua mạng thông tin e-office hoặc bằng văn bản, Cục Thuế tỉnh căn cứ hồ sơ, dữ liệu của cơ quan mình để kiểm tra danh sách đối tượng thu nhập thấp quy định tại khoản 4 Điều 49 Luật Nhà ở (do Sở Xây dựng gửi đến) có phát sinh hay không phát sinh nộp thuế thu nhập cá nhân tại địa phương, gửi văn bản thông báo cho Sở Xây dựng để yêu cầu chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp xã biết để xóa tên trong danh sách được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội đối với trường hợp phát sinh nộp thuế thu nhập cá nhân tại địa phương.

đ) Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Cục Thuế tỉnh chuyển đến qua hệ thống quản lý văn bản điện tử E-Office hoặc qua đường bưu điện, Sở Xây dựng căn cứ hồ sơ lưu trữ thuộc thẩm quyền của mình quản lý và văn bản của các cơ quan trên có văn bản thông báo kết kiểm tra, xác minh gửi chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân cấp xã để xóa tên khỏi danh sách được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội những trường hợp đã có nhà ở, đất ở, có phát sinh nộp thuế thu nhập cá nhân tại địa phương hoặc đã được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội tại dự án khác. Đồng thời, Sở Xây dựng cập nhật danh sách các đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội lên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng và Bộ Xây dựng theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 09/2021/TT-BXD ngày 16/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.

e) Sau 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được danh sách do chủ đầu tư, Ủy ban dân dân cấp xã nơi có nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng gửi đến, nếu Sở Xây dựng không có ý kiến phản hồi thì chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thông báo cho các đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội trong dự án của mình đến để thỏa thuận, thống nhất và ký hợp đồng.

g) Danh sách các trường hợp ký hợp đồng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội, Ủy ban dân dân cấp xã nơi có nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng gửi về Sở Xây dựng 01 bản để theo dõi và cập nhật lên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng và Bộ Xây dựng. Sau khi thanh lý, chấm dứt hợp đồng trên, chủ đầu tư xây dựng nhà ở xã hội phải gửi danh sách về Sở Xây dựng để công bố công khai trong thời hạn 30 ngày làm việc (kể từ ngày nhận danh sách này), cập nhật lên Cổng thông tin điện tử của Sở Xây dựng và Bộ Xây dựng và lưu trữ để phục vụ công tác quản lý, kiểm tra (hậu kiểm). Đồng thời, chủ đầu tư dự án có trách nhiệm công bố công khai danh sách này tại trụ sở làm việc của chủ đầu tư và tại sàn giao dịch bất động sản hoặc trang thông tin điện tử của chủ đầu tư (nếu có).".

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và 5 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

"2. Trình tự, thủ tục thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội đối với dự án đầu xây dựng nhà ở xã hội bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước thực hiện theo Điều 21a Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, được bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP. Giao Sở Xây dựng là nơi tiếp nhận hồ sơ đề nghị thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội thay Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 21a Nghị định số 100/2015/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP). Giao Sở Xây dựng tổ chức thẩm định giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua nhà ở xã hội và có văn bản thông báo kết quả thẩm định cho chủ đầu tư theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 21a Nghị định số 100/2015/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 15 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP), đồng gửi Ủy ban nhân dân tỉnh 01 bản để theo dõi.".

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:

"5. Giá bán, cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng thì hộ gia đình, cá nhân tự xác định, nhưng không được cao hơn khung giá do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Trước khi ký hợp đồng mua bán, thuê, thuê mua nhà ở xã hội với khách hàng thì hộ gia đình, cá nhân phải gửi bảng giá bán, giá cho thuê, giá cho thuê mua đến Sở Xây dựng địa phương để theo dõi. Giao Sở Xây dựng tổ chức xây dựng khung giá bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do hộ gia đình, cá nhân đầu tư xây dựng, trình

UBND tỉnh ban hành theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 49/2021/NĐ-CP.".

5. Bãi bỏ Điều 4, Điều 5, khoản 5 Điều 6, Điều 9 và khoản 6 Điều 11 của Quy định một số nội dung về phát triển và quản lý nhà ở xã hội trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, ban hành kèm theo Quyết định số 47/2016/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..01 tháng ..7... năm 2022.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển Khánh Hòa; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước - Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa; Giám đốc Ngân hàng Chính sách Xã hội - Chi nhánh tỉnh Khánh Hòa; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chi Cục trưởng Chi cục Thuế các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan; tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- TT. HĐND tỉnh; Các Ban của HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các Phó CT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình Khánh Hòa;
- Báo Khánh Hòa;
- Các phòng: XDNĐ, TH, KT, NC, KGVX;
- Lưu VT, SV, C10. 50

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Tấn Tuân